

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2022/LĐ-PT

Ngày: 27/7/2022

V/v Tranh chấp về quyền, lợi
ích liên quan đến tiền lương và
BHXH

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán:

Bà Châu Kim Anh

Bà Lê Thị Hoàng Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Hoa Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông **Nguyễn Văn Lân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/LĐPT ngày 30/5/2022 về việc “Tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương và BHXH”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 18/2022/LĐ-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2593/2022/QĐPT-LĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 56 đường Đ, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà T, sinh năm 1982; địa chỉ: 187/7 đường Đ, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 03539 quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 23/4/2021). Có mặt.

Bị đơn: Công ty H;

Địa chỉ: 83/12/3 đường P, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông H, sinh năm 1967; địa chỉ: 59/45 đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ-TA ngày 22/6/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông C và người đại diện theo ủy quyền bà T trình bày:

C làm bảo vệ cho Công ty H từ tháng 7/2017 đến ngày 30/3/2020, hai bên có ký kết các hợp đồng lao động với mức lương như sau: “Hợp đồng lao động thời vụ” có thời hạn từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/4/2018 là 4.013.000 đồng/tháng; “Hợp đồng lao động” số 0654604, thời hạn là 12 tháng, tính từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/5/2019 là 4.260.000 đồng/tháng; “Hợp đồng lao động” số 0654604/2019, thời hạn 36 tháng, tính từ ngày 03/5/2019 đến ngày 03/5/2022 là 4.500.000 đồng/tháng. Đồng thời, thỏa thuận thời gian làm việc là 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần; giờ làm thêm 2 giờ đầu x 150%, 2 giờ kế tiếp x 200%. Lương hàng tháng trả bằng chuyển khoản làm 2 lần: Lần 1 là tạm ứng; Lần 2 trả bằng hình thức cuối tháng đội trưởng sẽ thu gom bảng chấm công cá nhân của C về tổng hợp lại sau đó đưa cho kế toán để tính lương, sau khi trừ đi tiền lương tạm ứng sẽ chuyển phần còn lại cho C.

Mặc dù hợp đồng lao động thỏa thuận 8 giờ/ngày, nhưng thực tế thời gian làm việc của C từ 12-14 giờ. Có khi còn làm mấy ngày liền mới có người bàn giao ca. Tháng 3/2020 C làm đơn xin nghỉ việc, đến ngày 10/8/2020 Công ty mới giao cho C quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động và sổ BHXH. Căn cứ thỏa thuận của hai bên, thời gian thực tế làm việc của C thì trong thời gian làm việc tại Công ty H, C đã bị trả thiếu tiền làm thêm giờ, tính từ tháng 7/2017 đến tháng 3/2020 là 216.953.000 đồng.

Mức lương của C từ ngày 01/5/2019 là 4.500.000 đồng/tháng, với mức nộp BHXH 10,5%/tháng thì số tiền C phải nộp là 472.500 đồng, nhưng từ tháng 5/2018 đến tháng 3/2020 hàng tháng Công ty H đã trích từ lương của C số tiền là 931.000đ để đóng BHXH, như vậy Công ty H đã trích nhiều hơn số tiền C phải nộp là 455.500 đồng/tháng. Nên C yêu cầu Công ty H phải trả lại cho ông số tiền BHXH thu chênh lệch là : 23 tháng x 445.500 đồng = 10.047.000 đồng.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông V trình bày: Công ty H trả lương cho người lao động 2 lần/tháng, lần 1 tạm ứng vào khoảng giữa tháng, lần 2 sẽ trả hết vào cuối tháng nên Công ty H không thiếu tiền lương và tiền làm thêm giờ của C.

Đối với khoản tiền BHXH: C làm việc tại Công ty H từ năm 2017, thời điểm đó không ký hợp đồng lao động do C đã đủ 60 tuổi. Đến năm 2018, C đề nghị Công ty H ký kết hợp đồng lao động để C tự nguyện đóng BHXH do thời gian đóng BHXH của C chưa đủ 20 năm (điều kiện để nhận lương hưu) nên Công ty H mới ký kết hợp đồng lao động với C. Hai bên thỏa thuận mức đóng bảo hiểm theo lương cơ bản ghi trong hợp đồng lao động, qua đó Công ty H hỗ trợ cho C mỗi tháng 500.000 đồng, phần còn lại trích từ lương của C.

Công ty H khẳng định không thiếu C tiền lương và tiền trích nộp BHXH của C. Căn cứ quy định tại Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012 thì hai yêu

cầu này của C đều hết thời hiệu, nên Công ty đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu, đình chỉ hai yêu cầu của C.

* Tại bản án lao động sơ thẩm đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông C.

1.1 Công ty H có trách nhiệm trả cho ông C 10.047.000đ (Mười triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tiền BHXH. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Đình chỉ yêu cầu Công ty H phải trả 216.953.000đ (Hai trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng) tiền lương còn thiếu từ tháng 7/2017 đến tháng 3/2020 của ông C.

2. Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí: Ông C được miễn án phí Lao động sơ thẩm.

Công ty H phải chịu 301.410đ (Ba trăm linh một ngàn bốn trăm mười đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/4/2022, ông C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lương và tiền làm thêm giờ còn thiếu, tổng cộng là 216.953.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông C và bị đơn do ông H đại diện theo ủy quyền thống nhất thỏa thuận: Công ty H đồng ý hỗ trợ cho C số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên giao nhận tiền vào ngày 29/7/2022. Ngoài ra, C không còn yêu cầu gì khác đối với Công ty Bảo vệ Hoàng Khương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 18/2022/LĐ-ST của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 28/3/2022. Ngày 08/4/2022, nguyên đơn kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.2] Đối với số tiền hỗ trợ 30.000.000 đồng, Công ty Bảo vệ Hoàng Khương không phải chịu tiền án phí.

Án phí lao động sơ thẩm do bị đơn phải chịu.

Án phí lao động phúc thẩm nguyên đơn phải chịu nhưng do nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 18/2022/LĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1 Công ty H có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền 10.047.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền BHXH đã thu chênh lệch.

1.2 Công ty H đồng ý hỗ trợ cho ông C số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

1.3 Hai bên giao nhận tiền vào ngày 29/7/2022.

2. Kể từ ngày C có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty H chậm trả tiền thì Công ty H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty H phải chịu là 301.410 đồng (ba trăm lẻ một nghìn bốn trăm mười đồng).

5. Án phí lao động phúc thẩm: Ông C không phải chịu.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Anh